

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp;

Chuyên ngành: Lâm Sinh học.

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **Thái Thành Lượm.**

2. Ngày tháng năm sinh: **24.12.1959;**

Nam ☒ ☐; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam;**

Dân tộc: **Kinh;**

Tôn giáo: Không.

3. **Đảng viên** Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố:

**Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

**Số 93B Trần Hưng Đạo, phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

**Trường Đại học Kiên Giang, Số 320A, Quốc lộ 61, TT. Minh Lương, H. Châu Thành, T. Kiên Giang.**

Điện thoại nhà riêng: **02973603545;** Điện thoại di động: **0983993545;** E-mail:

**thaithanhluom@vnkgu.edu.vn; thaithanhluom@yahoo.com.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1982 đến năm: 1984 : Chuyên viên và Tổ trưởng Tổ Điều tra quy hoạch Lâm nghiệp thuộc Sở Lâm nghiệp Kiên Giang

- Từ năm 1985 đến năm 1987: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Sở Lâm nghiệp T. Kiên Giang

- Từ năm 1988 đến năm 1992: Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh Đoàn, Phó chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong Tỉnh Đoàn Kiên Giang (Phụ trách các nông, lâm trường Thanh niên thuộc Tỉnh Đoàn Kiên Giang)

- Từ năm 1993 đến năm 1998: Phó phòng kỹ thuật Sở Nông - Lâm - Thủy lợi Kiên Giang

- Từ năm 1999 đến năm 2003: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn T. Kiên Giang

- Từ năm 2003 đến năm 2006: Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Thượng T. Kiên Giang.

(Trong đó, năm 2003 và 2004 Giảng viên thỉnh giảng Cao học môn học “Đất và Đánh giá Đất đai” Trường Đại học Nông lâm TP. HCM.)

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. (Trong đó, năm 2006, 2007 Giảng viên thỉnh giảng Cao học “Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên” tại Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh.)

- Từ năm 2007 đến năm 2009: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường T. Kiên Giang và là chuyên viên cao cấp. (Trong đó, năm 2008, 2009 Giảng viên thỉnh giảng Cao học “Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên” tại Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh và Giảng viên thỉnh giảng Cao học “Tài nguyên rừng và Đa dạng sinh học” tại Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.)

- Từ năm 2010 đến năm 2014: Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang là chuyên viên cao cấp. (Trong đó 2010 – 2014 giảng viên thỉnh giảng Cao học tại Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.)

- Từ năm 2015 đến năm 2019: Hiệu trưởng Đại học Kiên Giang là Giảng viên cao cấp dạy Đại học. (Trong đó 2010 đến 2019 hướng dẫn thành công học viên Cao học cho 18 học viên và hướng dẫn Nghiên Cứu Sinh cho 7 NCS, trong đó có 3 NCS đã bảo vệ thành công và được cấp bằng Tiến sĩ.)

Chức vụ: Hiện nay: PCT HĐND và ĐT, Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiên Giang.

Địa chỉ cơ quan: 320A, Quốc lộ 61, Minh Lương, Châu Thành, Kiên Giang.

Điện thoại cơ quan : 02973603545.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Giảng viên thỉnh giảng từ 2004 đến 2014, Đại học Nông Lâm TP. HCM, Đại học Bách khoa TP. HCM, Đại học Công nghiệp TP. HCM, Đại học Nha Trang- Phân hiệu Kiên Giang.

Giảng viên: Từ năm 2015 đến nay là Giảng Viên Cao Cấp của Trường Đại học Kiên Giang thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng. Năm:** Chưa nghỉ hưu.



Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi là giảng viên cao cấp 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Đang giảng dạy tại Trường Đại học Kiên Giang**

#### **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 12 năm 1983, Kỹ sư thực hành chuyên ngành Lâm sinh, khóa học 1979 - 1983, Bằng đại học Chính quy (Kỹ sư Lâm nghiệp), thời gian đào tạo từ 1994 -1995 ngày cấp bằng là ngày 10 tháng 11 năm 1995, đạt loại giỏi.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Cả 2 bằng Kỹ sư thực hành và Chính quy từ trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng PTS Khoa học ngày 28 tháng 01 năm 1997, số bằng 3889 Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: **Lâm Sinh**.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đông Ngạc, Chèm, Từ Liêm, Hà Nội).

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS** ngày 09 tháng 05 năm 2011, Quyết định số 1934 do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, ngành: **Lâm nghiệp**.

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam**.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Nông nghiệp - Lâm nghiệp**.

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Lâm nghiệp (Lâm Sinh học).**

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng) tổng số 07, trong đó **03 NCS** bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ

- Đã hướng dẫn (số lượng) bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành (số lượng) **07** đề tài NCKH **cấp tỉnh**, **01** đề tài **cấp Bộ** và **02** đề tài nhánh **cấp nhà nước**;

- Đã công bố (số lượng) 66 bài báo KH, có 22 bài báo tiếng nước ngoài đăng trong tạp chí và kỷ yếu hội thảo Quốc tế, trong đó 12 **bài báo KH trên tạp chí quốc tế** có uy tín; 8 **bài báo đứng tên chính và một mình**.

- Đã được cấp (số lượng)...bằng độc quyền sang chế và giải pháp hữu ích: Phần này không có

- Số lượng sách đã xuất bản 14 (09 sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn và 05 giáo trình), trong đó 14 sách thuộc các nhà xuất bản có uy tín: Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật,

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà Xuất bản Đại học Công nghiệp TP. HCM, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Phần này không có

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

**Huân chương lao động hạng 3** của Chủ tịch nước tặng,

**Huân chương hữu nghị Đại hiệp sĩ hạng nhất do Quốc Vương Norodom Sihamoni Vương Quốc Campuchia tặng** vì có thành tích góp phần vào nền Giáo dục Campuchia,

Huy chương Danh dự Đoàn TNCS HCM,

Huy chương vì thế hệ trẻ,

Huy chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT,

Huy chương vì sự nghiệp Tài nguyên và MT,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp LHKHKT,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp An ninh Tổ quốc,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tổ chức nhà nước,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tuyên giáo,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Giao thông vận tải,

Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Khoa học Công nghệ

Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh Kiên Giang 2 lần,

Chiến sĩ thi đua toàn Quốc,

Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (2005),.

Bằng Khen của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009).

Bằng Khen của Bộ Thông tin và Truyền thông (2013),

Bằng khen của UBND tỉnh Kiên Giang 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2008, 2010)

Bằng khen của Hội đồng nhân tỉnh Kiên Giang (2003),

Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019)

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định:** (khiển trách ở chi bộ năm 2015 về trách nhiệm quản lý cấp dưới ở Chi bộ)

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ:**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**



Xét tiêu chuẩn GS nhận thấy có đủ điều kiện để xin Hội đồng GS cơ sở Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Hội đồng GS Liên ngành Nông Lâm nghiệp và Hội đồng GS Nhà nước công nhận GS năm 2020.

## 2. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên(\*):

- Tổng số : 37 năm (1983 – 2020)

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm, trong đó 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT          | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS, CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, Khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ giảng trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/ số giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|-------------|-----------|---------------------------|-----|-------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------|
|             |           | Chính                     | Phụ |                                     |                                         | ĐH                              | SĐH |                                                             |
| 1           | 2009-2010 |                           |     |                                     |                                         |                                 | 192 | 192                                                         |
| 2           | 2010-2011 | 01                        |     |                                     |                                         |                                 | 174 | 174                                                         |
| 3           | 2011-2012 | 01                        | 02  | 05                                  |                                         |                                 | 135 | 135                                                         |
| 4           | 2012-2013 | 02                        | 03  | 05                                  |                                         | 90                              | 235 | 325                                                         |
| 5           | 2013-2014 | 03                        | 03  | 04                                  |                                         | 90                              | 150 | 240                                                         |
| 6           | 2014-2015 | 03                        | 03  | 03                                  |                                         | 90                              | 180 | 90/270/40                                                   |
| 7           | 2015-2016 | 03                        | 03  | 01                                  |                                         | 150                             | 180 | 150/330/40                                                  |
| 8           | 2016-2017 | 03                        | 03  | 01                                  |                                         | 225                             | 225 | 225/450/40                                                  |
| 3 năm cuối: |           |                           |     |                                     |                                         |                                 |     |                                                             |
| 4           | 2017-2018 | 03                        | 03  | 01                                  |                                         | 180                             | 135 | 180/315/40                                                  |
| 5           | 2018-2019 | 03                        | 02  | 01                                  | 05                                      | 270                             | 135 | 270/415/40                                                  |
| 6           | 2019-2020 | 02                        | 02  |                                     | 05                                      | 180                             | 135 | 180/315/40                                                  |

## 3. Ngoại ngữ:

### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước: Không có; Từ năm Không có, đến năm Không có.

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc TS hoặc TSKH ☐; Tại nước : Không có, đến năm, Không có.

- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước : Không có.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Viện Khoa học Lâm nghiệp VN trong chương trình NCS và Học viện Hành chính Quốc gia Hà Nội trong chương trình chuyên viên cao cấp; năm cấp: 1996 và 2005

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên Quốc tế của trường Đại học Utrecht Hà Lan, tại Trường đại học Kiên Giang, Khóa thực tập cao học ngắn hạn 3 tháng cho 2 khóa, khóa 1 năm 2018, khóa 2 năm 2019. (tổng số thực tập viên nước ngoài ở Hà Lan 2 khóa là 05 học viên)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: Không có.

### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Các chứng chỉ các trường và tổ chức Quốc tế cấp:

ASEAN-EU University Network Programme (Conservation and sustainable Utilization of Plant Genetic Resource in SE-Asia). Certificate “AUNP National Training on Utilization of Forest Genetic Resources (Tree Breeding), October 2004.

ASEAN-EU University Network Programme (Conservation and sustainable Utilization of Plant Genetic Resource in SE-Asia). Certificate “AUNP National Training on Conservation of Forest Genetic Resources, June - July 2005.

Ministry of Environment of Republic of Korea (International Special Training Program on Environment Management). Certify that “has successfully completed the International Special Training Program on Environmental Management”. October 2007, organized by National Institute of Environmental Human Resources Development (EHRD), Ministry of Environment, Republic of Korea.

Unitar (United National Institute for Training and Research of Korea). Certificate of participation “Low carboncity: Green Growth for local governments in the Asia – Pacific Region, in Jeju, Republic of Korea.

La Trobe University: Certificate of Attendance “Management and preservation of traditional culture and art, and human resources development in the fields of culture, sport and tourism”

### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| T<br>T | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/B<br>SNT | Đối tượng |                           | Trách nhiệm |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ ...đến... | Cơ sở đào tạo             | Ngày, tháng,<br>năm được cấp<br>bằng/có quyết<br>định cấp bằng |
|--------|-----------------------------------------|-----------|---------------------------|-------------|-----|----------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|
|        |                                         | NC<br>S   | HVC<br>H/C<br>K2/B<br>SNT | Chính       | Phụ |                                        |                           |                                                                |
|        | Trần Văn<br>Thắng                       | x         |                           | x           |     | 2011-2016                              | Trường ĐH LN<br>Việt Nam  | Ngày<br>10/04/2018/Qu<br>yết định số<br>646/QĐ-<br>ĐHLN-ĐTSDH  |
|        | Thái Bình<br>Hạnh Phúc                  | x         |                           | x           |     | 2012-2017                              | Trường Đại học<br>Cần Thơ | Ngày<br>02/05/2019/ QĐ<br>số 1271/QĐ-<br>ĐHCT                  |



|  |                |   |  |   |   |           |                           |                                      |
|--|----------------|---|--|---|---|-----------|---------------------------|--------------------------------------|
|  | Phạm Văn Tùng  | x |  |   | x | 2011-2016 | Viện KH Thủy lợi Miền Nam | Ngày 11/09/2018/QĐ số 669/QĐ-VKHTLMN |
|  | Quách Kim Oanh | x |  |   | x | 2013-2018 | Viện KH Thủy lợi Miền Nam | Chưa bảo vệ                          |
|  | Phan Minh Sang | x |  | x |   | 2013-2018 | Viện KH Thủy lợi Miền Nam | Chưa bảo vệ                          |
|  | Lê Thanh Quang | x |  | x |   | 2013-2018 | Viện KH Thủy lợi Miền Nam | Chưa bảo vệ                          |
|  | Lê Việt Khai   | x |  |   | x | 2011-2014 | Viện KH Thủy lợi Miền Nam | Chưa bảo vệ                          |

## 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách                                                                                  | Loại sách<br>CK, GT,<br>TK, HD | Nhà xuất<br>bản và năm<br>xuất bản | Số tác<br>giả | Chủ biên | Phần biên<br>soạn ( từ<br>trang ... đến<br>trang) | Xác nhận sử<br>dụng của CS<br>GDĐH (Số<br>văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------|----------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    | <b>Viết sách</b>                                                                          |                                |                                    |               |          |                                                   |                                                                                |
| 1  | Phú Quốc Tài nguyên và môi trường (song ngữ Việt Anh)                                     | TK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2013.        | 03            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.04.2015                                         |
| 2  | Trầm hương và Tinh dầu Dó bầu ( <i>Aquilaria crassna</i> ) Phú Quốc Việt Nam              | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2014.        | 01            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 09.04.2015                                         |
| 3  | Tài nguyên và Môi trường than bùn ở đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam                      | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2013.        | 02            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 09.04.2015                                         |
| 4  | Tài nguyên sinh học trên các hệ sinh thái núi đá vôi ở vùng Tây nam Việt Nam              | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2016.        | 01            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.01.2016                                         |
| 5  | Môi trường đất và giải pháp chống suy thoái ở Vườn Quốc gia Phú Quốc Việt Nam             | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2017.        | 01            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.10.2017                                         |
| 6  | Tài nguyên nước dưới đất vùng ven biển Tây tỉnh Kiên Giang                                | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2016.        | 01            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 10.01.2016                                         |
| 7  | Nghiên cứu Mầm đen ( <i>Avicennia officinalis</i> ) trong rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2019.        | 02            | Chủ biên |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 20.06.2019                                         |
| 8  | Khả năng chịu tải hệ sinh thái môi trường sông Vàm Cỏ                                     | CK                             | Khoa học và Kỹ thuật, 2013.        | 04            | Tham gia |                                                   | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.01.2014                                         |

|    |                                                                                                                                     |                         |                                       |    |          |  |                                                       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|----|----------|--|-------------------------------------------------------|
| 9  | Bảo vệ môi trường du lịch                                                                                                           | CK                      | NXB Đại học Công nghiệp TP. HCM       | 04 | Tham gia |  | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.02.2015                |
| 10 | Kỹ thuật trồng cây Mầm đen ( <i>Avicennia officinalis</i> ) và cây Mầm trắng ( <i>Avicennia alba</i> ) trong vùng biển Tây Việt Nam | HD (kỹ thuật)           | Khoa học và Kỹ thuật, 2019.           | 02 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 20.06.2019                |
|    | Giáo trình                                                                                                                          |                         |                                       |    |          |  |                                                       |
| 1  | Ứng dụng công nghệ sinh học trong thực phẩm                                                                                         | GT (đại học)            | NXB Giáo Dục Việt Nam, 2019           | 02 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.05.2019 |
| 2  | Applications of Biotechnology in Food                                                                                               | GT (đại học)            | NXB Đại học Cần Thơ, 2019             | 02 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.05.2019 |
| 3  | Nhập môn công nghệ sinh học                                                                                                         | GT (đại học)            | NXB Giáo Dục Việt Nam, 2019           | 03 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020 |
| 4  | Kỹ thuật xử lý ô nhiễm đất                                                                                                          | GT (đại học)            | NXB Giáo Dục Việt Nam, 2020           | 03 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020 |
| 5  | Curriculum Treatment Engineering For Soil Pollution                                                                                 | GT (đại học)            | NXB ĐH Cần Thơ, 2020                  | 04 | Chủ biên |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020 |
| 6  | Xử lý phòng chống ô nhiễm và suy thoái môi trường đất                                                                               | GT (đại học và cao học) | NXB Đại học công nghiệp TP. HCM, 2011 | 03 | Tham gia |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 30.01.2015 |
| 7  | Làng sinh thái, đô thị sinh thái, khu công nghiệp sinh thái                                                                         | GT (đại học và cao học) | NXB Đại học công nghiệp TP. HCM, 2011 | 03 | Tham gia |  | Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 30.01.2015 |
| 8  | Sản xuất sạch hơn trong sản xuất                                                                                                    | GT (đại học)            | Đã thông qua Hội đồng công nhận GT    | 02 | Chủ biên |  | Chờ hợp đồng in                                       |
| 9  | An toàn trong thực phẩm và môi trường                                                                                               | GT (đại học)            | Đã thông qua Hội đồng công nhận GT    | 02 | Chủ biên |  | Chờ hợp đồng in                                       |
| 10 | Kỹ thuật xử lý                                                                                                                      | GT (đại học)            | Đã thông qua                          | 02 | Chủ biên |  | Chờ hợp đồng in                                       |



|    |                                                       |                 |                                                           |    |          |  |                     |
|----|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|----|----------|--|---------------------|
|    | nước thải                                             | học)            | qua Hội<br>đồng được<br>công nhận<br>GT                   |    |          |  | đồng in             |
| 11 | Sản xuất sạch hơn                                     | GT (đại<br>học) | Đã thông<br>qua Hội<br>đồng được<br>công nhận<br>đề cương | 02 | Chủ biên |  | Chờ thông<br>qua GT |
| 12 | Biến đổi khí hậu và<br>năng lượng                     | GT (đại<br>học) | Đã thông<br>qua Hội<br>đồng được<br>công nhận<br>đề cương | 02 | Chủ biên |  | Chờ thông<br>qua GT |
| 13 | Quản lý và vận<br>hành công trình xử<br>lý môi trường | GT (đại<br>học) | Đã thông<br>qua Hội<br>đồng được<br>công nhận<br>đề cương | 02 | Chủ biên |  | Chờ thông<br>qua GT |

Tất cả các sách viết sau khi công nhận PGS.

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                   | Tên nhiệm vụ khoa học và công<br>nghệ (CT, ĐT...)                                                                                     | CN/PCN<br>/TK | Mã số và cấp<br>quản lý | Thời gian<br>thực hiện | Thời gian<br>nghiệm thu<br>(ngày, tháng,<br>năm) Xếp loại<br>KQ |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>Trước khi PGS</b> |                                                                                                                                       |               |                         |                        |                                                                 |
| 1                    | ĐT: Điều chỉnh mật độ rừng<br>Được với khả năng kết hợp nuôi<br>tôm rừng phòng hộ ven biển,<br>tỉnh Kiên Giang                        | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1995-1996              | 25/01/1996, đạt                                                 |
| 2                    | ĐT: Xây dựng mô hình nông<br>lâm ngư vùng đệm khu Bảo tồn<br>thiên nhiên U Minh Thượng,<br>tỉnh Kiên Giang.                           | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1995-1996              | 25/01/1996, đạt                                                 |
| 3                    | ĐT: Xây dựng rừng mấm để<br>chỉnh phục bãi bồi ven biển<br>rừng phòng hộ ven biển tỉnh<br>Kiên Giang                                  | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1995-1996              | 25/01/1996, đạt                                                 |
| 4                    | ĐT: Khảo nghiệm chọn giống<br>và xuất xứ các giống trầm<br>Melaleucas, trên vùng Bắc Hà<br>Tiên, tỉnh Kiên Giang                      | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1995-1996              | 25/01/1996, khá                                                 |
| 5                    | ĐT: Khảo nghiệm chọn các<br>giống trầm và xuất xứ các giống<br>trầm Melalucas trên vùng đất<br>rừng U Minh Thượng, tỉnh Kiên<br>Giang | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1996-1997              | 22/12/1997, khá                                                 |
| 6                    | ĐT: Đánh giá tác động môi<br>trường về quá trình sử dụng tài<br>nguyên sinh thái rừng vùng Tứ<br>giác Long Xuyên, tỉnh Kiên<br>Giang  | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 1997-1998              | 31/08/2000, khá                                                 |
| 7                    | ĐT: Nghiên cứu đặc tính ưu<br>thế lai của 3 nhóm tổ hợp lai<br>trong 2 loại trầm cừ ( <i>Melaleuca</i>                                | CN            | UBND tỉnh<br>Kiên Giang | 2000-2002              | 11/10/2006, khá                                                 |

|   |                                                                                                                                              |    |                            |           |                      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------|-----------|----------------------|
|   | <i>cajuputi</i> ) trong nước và ( <i>Melaleuca leucadendra</i> ) trầm nhập nội Asutralia                                                     |    |                            |           |                      |
|   | <b>Sau khi PGS</b>                                                                                                                           |    |                            |           |                      |
| 1 | ĐT: Nghiên cứu xác định các giống cây Dó bầu và các loài nấm cộng sinh có khả năng tạo trầm thuộc Vườn Quốc gia Phú Quốc                     | CN | UBND tỉnh Kiên Giang       | 2010-2011 | 14/12/2011, khá      |
| 2 | ĐT: Đánh giá hiện trạng môi trường đất và đề xuất biện pháp chống suy thoái một số hệ sinh thái rừng Vườn Quốc gia Phú Quốc                  | CN | UBND tỉnh Kiên Giang       | 2010-2011 | 31/12/2014, đạt      |
| 3 | ĐT: Nghiên cứu xác định hàm lượng và chất lượng tinh dầu từ cành và lá cây trầm hương ( <i>Aquilaria crassna</i> Piere) 20 tuổi tại Phú Quốc | CN | UBND tỉnh Kiên Giang       | 2010-2011 | 04/10/2011, đạt      |
| 4 | ĐT: Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật gây trồng một số loài cây gỗ trong rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau                              | CN | Bộ Giáo dục và Đào tạo     | 2017-2018 | 18/08/2019, xuất sắc |
| 5 | ĐT: Nghiên cứu chế độ ngập nước đến sinh trưởng và khả năng phòng chống cháy rừng trầm rừng U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang                    | CN | Đề tài nhánh: Cấp nhà nước | 2010-2011 | 02/05/2010, đạt      |
| 6 | ĐT: Nghiên cứu đánh giá tác động của dự án đê biển Rạch Giá - Kiên Giang đến môi trường và hệ sinh thái trong khu vực                        | CN | Đề tài nhánh: Cấp nhà nước | 2014-2015 | 10/06/2014, đạt      |

Các chữ viết tắt: CT chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, các sáng chế giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

| TT  | Tên bài báo/Báo cáo KH                                    | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus( IF, Qi) | Số lần trích dẫn (Không tự trích dẫn) | Tập, số, trang    | Năm công bố |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|-------------|
|     | TIẾNG ANH                                                 |            |                  |                                                 |                                                   |                                       |                   |             |
| a.I | Các bài CB, đứng một mình                                 |            |                  |                                                 |                                                   |                                       |                   |             |
| 1   | <i>Evaluation of the surface water in area of Vietnam</i> | 01         | Chính            |                                                 | Journal of Environmental Impact Assessment        | 3                                     | Tập 2, trang 1-10 | 2009        |
| 2   | <i>Intergrated Multiple Species Aquaculture in the</i>    | 01         | Chính            |                                                 | Journal Coast Zone                                | 3                                     | Tập 2, trang      | 2018        |



|     |                                                                                                                                                                                   |          |       |  |                                                           |   |                      |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|--|-----------------------------------------------------------|---|----------------------|------|
|     | <i>Protected Mangrove Areas in the Mekong Delta, Vietnam: A Case Study in Kien Giang</i>                                                                                          |          |       |  | Manage                                                    |   | 11-18                |      |
| 3   | <i>Sea dykes as coastal protection strategy: Effectiveness and constrains in Kien Giang, Vietnam</i>                                                                              | 01       | Chính |  | Journal Coast Zone Manage                                 | 2 | Tập 2, trang 19-24   | 2019 |
| 4   | <i>Aquaculture Operation in Allocated Mangrove Areas in Kien Giang, Vietnam: Local Perceptions and Recommendations</i>                                                            | 01       | Chính |  | Journal Coast Zone Manage                                 | 2 | Tập 2, trang 25-30   | 2019 |
| 5   | <i>Genetic Characteristics and Nine Trial Species Growing Forests in The Coastal Alluvial Soil in the South-West of The Mekong River Delta in Vietnam</i>                         | 02<br>CB | Chính |  | Journal Advancem ent in Plant Science                     | 2 | Tập 2, trang 31-40   | 2020 |
| 6   | <i>Current Management of Allocated Mangroves for Livelihood Improvement in the Mekong Delta, Vietnam: Knowledge Gaps and a Potential Model for Futre Management</i>               | 02<br>CB | Chính |  | Journal of Sustainable Forestry                           | 3 | Tập 2, trang 41-56   | 2020 |
| 7   | <i>Effect of flooding on peatland in U Minh Thuong National park Vietnam</i>                                                                                                      | 01       | Chính |  | Soil Science and Environmentta l Management               | 4 | Tập 2, trang 74-65   | 2020 |
| 8   | <i>Curren Status and Potential of Some Important Spieces of Mangrove Forest in Kien Giang and Ca Mau Provinces"</i>                                                               | 02<br>CB | Chính |  | Journal of Advancem ents in Plant Science                 | 2 | Tập 2, trang 65a-65f | 2020 |
| bI. | Các bài QT tham gia viết                                                                                                                                                          |          |       |  |                                                           |   |                      |      |
| 8   | <i>Existing strageteies for managing mangrove dominated muddy coat" Knowlege gaps and recommandations</i>                                                                         | 03       | TG    |  | Journal home page of Ocean and coastal manageme nt        | 2 | Tập 2, trang 66-73   | 2017 |
| 9   | <i>Mangrove allocation for coastal protection and livelihood improvement in Kien Giang province, Vietnam: Constrains and recommendations</i>                                      | 03       | TG    |  | Journal of Land use policy                                | 8 | Tập 2, trang 74-80   | 2017 |
| 10  | <i>Developing a framework for interating local and scientific knowlege in internationally funded environment management projects case study from Kien Giang province, Viennam</i> | 03       | TG    |  | The internation al Journal of Justice and Sustainabili ty | 2 | Tập 2, trang 81-94   | 2017 |

|    |                                                                                                                                                                                                         |    |       |                                                                                               |                         |   |                      |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---|----------------------|------|
| 11 | <i>Mangrove transplantation in Brebes Regency, Indonesia: Lesons and recommendations</i>                                                                                                                | 03 | TG    |                                                                                               | Ocean & Coast Managemen | 4 | Tập 2, trang 95-104  | 2017 |
| cI | Các bài hội thảo Quốc tế được đăng ký yêu                                                                                                                                                               |    |       |                                                                                               |                         |   |                      |      |
| 12 | <i>Study, Determine of Aquilaria crassna plants kind and symbiotic fungi species that is capable of creation aleo wood to be of Phu Quoc National Park</i>                                              | 03 | Chính | HCM city University of Industry and Meiho University Taiwan, December 18 <sup>th</sup> , 2010 |                         |   | Tập 2, trang 105-113 | 2010 |
| 13 | <i>Using system mechanical wounded method to researching exploiration some cloning genotype orientation on Aquilaria Crassna Piere species the content of Aquilaria oil in Phu Quoc islands Vietnam</i> | 01 | Chính | HCM city University of Industry and Meiho University Taiwan, December 18 <sup>th</sup> , 2010 |                         |   | Tập 2, trang 114-119 | 2010 |
| 14 | <i>Phylogenetic relationships of Aquilaria crassna plants and symbiotic fungi species capable of producing aloe wood in Phu Quoc National Park</i>                                                      | 03 | Chính | HCM city University of Industry and Meiho University Taiwan, December 18 <sup>th</sup> , 2010 |                         |   | Tập 2, trang 120-127 | 2011 |
| 15 | <i>The solution to build Phu Quoc Islands into Green tourism Center, Low carbon city and Suitanable and vironment in the international enter belong to Central Vietnam</i>                              | 01 | Chính | Jeju, Republic of Korea 12-14 Octorber 2011                                                   |                         |   | Tập 2, trang 128-140 | 2010 |
| 16 | <i>Impacts of climate change and sea level rise to coastal ecological sensitive area in Kien Giang province</i>                                                                                         | 01 | Chính | Hue City-Vietnam, 26 August 2011                                                              |                         |   | Tập 2, trang 141-153 | 2011 |
| 17 | <i>Understanding climate change the case of Mekong delta Vietnam</i>                                                                                                                                    | 02 | Chính | Kien Giang University , 8 <sup>th</sup> January 2019                                          |                         |   | Tập 2, trang 154-165 | 2019 |
| 18 | <i>Muddy Coast, Sea Dyke System and Sea Level Rise: A Case Study in Kien Giang, the Mekong Delta of Vietnam</i>                                                                                         | 01 | Chính | Kien Giang University , 8 <sup>th</sup> January 2019                                          |                         |   | Tập 2, trang 166-179 | 2019 |
| 19 | <i>Current Status and Potential of Some Important Species of</i>                                                                                                                                        | 01 | Chính | Cerazevo University , Johorina                                                                |                         |   | Tập 2, trang 180-186 | 2019 |



|   |                                                                                                                                                              |    |       |                                                                                                  |  |  |                      |      |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
|   | <i>Mangrove Forest in Kien Giang and Ca Mau Provinces, Vietnam</i>                                                                                           |    |       | mountain, Bosnia and Hezegovi na , 03 <sup>rd</sup> –06 <sup>th</sup> 2019                       |  |  |                      |      |
|   | TIẾNG VIỆT                                                                                                                                                   |    |       |                                                                                                  |  |  |                      |      |
|   | Trước PGS                                                                                                                                                    |    |       |                                                                                                  |  |  |                      |      |
| 1 | Diễn thế tự nhiên và giải pháp phục hồi rừng tràm sau cháy ở U Minh                                                                                          | 02 |       | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, Bộ NN và PTNT                                                       |  |  | Tập 2, trang 187-189 | 2006 |
| 2 | Nghiên cứu tỉ lệ hàm lượng tinh dầu có trong các thành phần cây tràm hương (Do bầu) 20 năm tuổi vùng đảo Phú Quốc Việt Nam                                   | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, Bộ NN và PTNT                                                       |  |  | Tập 2, trang 190-193 | 2007 |
| 3 | Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường để phát triển thủy sản bền vững vùng ven biển tỉnh Kiên Giang                                                    | 02 | Chính | Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ 11, ngày 21 – 23/ 10/2009, Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM. |  |  | Tập 2, trang 194-203 | 2009 |
| 4 | Đánh giá hiện trạng môi trường nước nuôi tôm công nghiệp và đề xuất biện pháp cải thiện tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang                                | 04 | Chính | Tạp chí Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam. ISN 0866 – 708X.                                       |  |  | Tập 2, trang 204-216 | 2009 |
| 5 | Kết quả nghiên cứu giống cây tràm hương 20 năm tuổi ( <i>Aquilaria crassna</i> Pierre) trên những dòng cây mẹ có khả năng tự nhựa tràm tại vùng đảo Phú Quốc | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                                                      |  |  | Tập 2, trang 217-220 | 2009 |
| 6 | Đánh giá thực trạng môi trường nước mặt trên một số vùng sinh thái trọng điểm trên vùng biển Tây Kiên Giang Việt Nam                                         | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                                                      |  |  | Tập 2, trang 221-226 | 2009 |
| 7 | Đánh giá ảnh hưởng của                                                                                                                                       | 02 |       | Tạp chí                                                                                          |  |  | Tập 2, trang         | 2009 |

|    |                                                                                                                                                           |    |       |                                                                  |  |  |                      |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
|    | chất diệt cỏ/Dioxin với môi trường hồ chứa Trị An hiện nay                                                                                                |    |       | Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                              |  |  | 227-231              |      |
| 8  | Nghiên cứu cải thiện năng suất loài tràm bản địa từ các giống tràm nhập nội trên vùng đất phèn nặng ngập nước theo mùa trong vùng đồng bằng sông Cửu Long | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 232-240 | 2009 |
| 9  | Nghiên cứu xác định một số loài động, thực vật đặc hữu trong hệ sinh thái núi đá vôi còn sót lại ở khu vực Hòn Chông, Kiên Giang, Việt Nam                | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 241-246 | 2009 |
| 10 | Nghiên cứu thực trạng của biến đổi khí hậu, xu hướng thiên tai, những kinh nghiệm bảo vệ vùng ven biển du lịch và bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Kiên Giang | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 247-254 | 2010 |
|    | <b>Sau PGS</b>                                                                                                                                            |    |       |                                                                  |  |  |                      |      |
| 11 | Nghiên cứu diễn biến môi trường nguồn nước mặt các vùng sinh thái nông nghiệp hạ lưu sông Mekong ven biển tây Việt Nam (2005-2009)                        | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 255-260 | 2010 |
| 12 | Sử dụng chỉ số chất lượng đất SQI - Soil quality index để đánh giá hiện trạng chất lượng đất ở Vườn Quốc gia Phú Quốc                                     | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 261-266 | 2010 |
| 13 | Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước và lửa rừng ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng                                                                              | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT.                      |  |  | Tập 2, trang 267-271 | 2010 |
| 14 | Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Kiên Giang                                                                         | 01 | Chính | Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội (ACT MANG). |  |  | Tập 2, trang 272-281 | 2010 |



|    |                                                                                                                                                                      |    |       |                                                                    |  |  |                      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|--------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
| 15 | Nghiên cứu tổng quan hệ sinh thái đất ngập nước Vườn Quốc gia U Minh Thượng                                                                                          | 01 | Chính | Kỹ yếu hội thảo Quốc gia                                           |  |  | Tập 2, trang 282-295 | 2010 |
| 16 | Nghiên cứu xác định các giống Dó bầu và các loài nấm cộng sinh có khả năng tạo trầm Vườn Quốc gia Phú Quốc                                                           | 01 | Chính | Tạp chí Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh                        |  |  | Tập 2, trang 296-309 | 2010 |
| 17 | Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Kiên Giang                                                                                    | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, Bộ NN và PTNT                         |  |  | Tập 2, trang 310-316 | 2010 |
| 18 | Hiện trạng môi trường sinh thái và xử lý môi trường trong định hướng phát triển bền vững đầm Đông Hồ, tỉnh Kiên Giang                                                | 02 | Chính | Kỹ yếu Hội nghị khoa học-Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM           |  |  | Tập 2, trang 317-322 | 2011 |
| 19 | Nghiên cứu thực trạng của biến đổi khí hậu, xu hướng thiên tai, những kinh nghiệm bảo vệ vùng ven biển và bảo tồn thiên nhiên tỉnh Kiên Giang                        | 01 | Chính | Kỹ yếu hội nghị khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, NXB Nông nghiệp |  |  | Tập 2, trang 323-326 | 2010 |
| 20 | Mối liên hệ giữa bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại đầm Đông Hồ, Hà Tiên, Kiên Giang   | 02 | Chính | Kỹ yếu Hội nghị khoa học-Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM           |  |  | Tập 2, trang 327-342 | 2011 |
| 21 | Điều tra thực trạng khai thác và chất lượng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang                                                                    | 01 | Chính | Hội nghị khoa học Quốc gia                                         |  |  | Tập 2, trang 343-350 | 2011 |
| 22 | Đánh giá diễn biến môi trường vùng nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản để cảnh báo nạn ô nhiễm môi trường trong sản xuất trên địa bàn U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang” | 01 | Chính | Tạp chí Viện Khoa học công nghệ Việt Nam                           |  |  | Tập 2, trang 351-361 | 2011 |
| 23 | Sử dụng phương pháp tổn thương cơ giới hệ thống để nghiên cứu thăm dò trên                                                                                           | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và                                             |  |  | Tập 2, trang 362-368 | 2011 |

|    |                                                                                                                                                                         |    |       |                                             |  |  |                      |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|---------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
|    | một số dòng có kiểu di truyền (Genotype) định hướng hàm lượng tinh dầu trầm hương của loài Trầm hương ( <i>Aquilaria crassna</i> ) ở quần đảo Phú Quốc                  |    |       | PTNT. Bộ NN và PTNT.                        |  |  |                      |      |
| 24 | Đánh giá hiện trạng đất than bùn trong mối liên hệ đến sự phát triển hệ sinh thái bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long                                                    | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. |  |  | Tập 2, trang 369-373 | 2011 |
| 25 | Nghiên cứu hiện trạng môi trường các khu du lịch vùng đảo Phú Quốc Việt Nam                                                                                             | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. |  |  | Tập 2, trang 374-377 | 2011 |
| 26 | Đánh giá sự tái sinh của rừng Mắm ( <i>Avicennia officinalis</i> L.) trên đất bùn thải và nước thải do nuôi tôm công nghiệp vùng ven biển TGLX tỉnh Kiên Giang          | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. |  |  | Tập 2, trang 378-383 | 2012 |
| 27 | Thực trạng ô nhiễm môi trường trên các tuyến kinh thoát nước chính ở TP. Rạch Giá và cảnh báo môi trường đô thị tỉnh Kiên Giang                                         | 01 | Chính | Tạp chí Rừng và Môi trường.                 |  |  | Tập 2, trang 384-390 | 2012 |
| 28 | Nghiên cứu phát triển du lịch gắn với diễn biến môi trường nước trên đảo Phú Quốc                                                                                       | 02 | Chính | Tạp chí Rừng và Môi trường.                 |  |  | Tập 2, trang 391-395 | 2012 |
| 29 | Thí nghiệm về ảnh hưởng của biến đổi nhật triều đến sự sinh trưởng và tái sinh của rừng Mắm đen ( <i>Avicennia officinalis</i> L.) ở vùng ven biển TGLX tỉnh Kiên Giang | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. 2012.          |  |  | Tập 2, trang 396-400 | 2012 |
| 30 | Nghiên cứu các yếu tố chi phối sự phát sinh phát triển rừng ngập mặn Rạch Tràm, thuộc hạ lưu đồng bằng Bãi Thơm, Phú Quốc Việt Nam                                      | 02 | Chính | Tạp chí Rừng và Môi trường                  |  |  | Tập 2, trang 401-407 | 2013 |
| 31 | Nghiên cứu thực trạng tài nguyên thiên nhiên núi đá vôi trong vùng Kiên Lương, Kiên Giang, Việt Nam                                                                     | 03 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và       |  |  | Tập 2, trang 408-418 | 2013 |



|    |                                                                                                                                                          |    |       |                                             |  |  |                      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|---------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
|    |                                                                                                                                                          |    |       | PTNT.                                       |  |  |                      |      |
| 32 | Kết quả nghiên cứu sử dụng năng lượng mặt trời để thiết kế kỹ thuật khai thác nước canh tác nông nghiệp trên nước biển ở vùng nhiệt đới mưa mùa Việt Nam | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. |  |  | Tập 2, trang 419-423 | 2013 |
| 33 | Nghiên cứu sự tái sinh của rừng tràm trong điều kiện biến đổi thủy văn trên các loại đất khác nhau Vườn Quốc gia U Minh Thượng                           | 03 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 424-432 | 2013 |
| 34 | Những giải pháp chiến lược để giải quyết nhu cầu nước từ các vùng ngập mặn ven biển và các vùng biển đảo trong mùa khô ở Việt Nam                        | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 433-442 | 2013 |
| 35 | Sinh hóa học từ than bùn và khả năng sử dụng ở Việt Nam                                                                                                  | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 443-451 | 2013 |
| 36 | Nghiên cứu đặc tính đất, nước vùng ven biển tây đồng bằng sông Cửu Long                                                                                  | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. |  |  | Tập 2, trang 452-460 | 2014 |
| 37 | Xác định thành phần loài, các chỉ số sinh học và quần xã thực vật rừng ngập mặn vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long                                | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 461-469 | 2014 |
| 38 | Nghiên cứu cấu trúc gen trên các dòng có cây tự nhựa trầm hương của các loài Dó bầu ( <i>Aquilaria crassna</i> ) ở vùng đảo Phú Quốc Việt Nam            | 01 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 470-478 | 2014 |
| 39 | Phân vùng sinh thái rừng ngập mặn làm cơ sở xác định mô hình trồng rừng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển Tây Việt Nam                                 | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT  |  |  | Tập 2, trang 479-486 | 2017 |
| 40 | Phân tích mối tương quan giữa các loài trong cấu trúc quần xã rừng ngập                                                                                  | 02 | Chính | Tạp chí Nông                                |  |  | Tập 2, trang 487-492 | 2017 |

|    |                                                                                                                                                                                                                      |    |       |                                                                  |  |  |                      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------|------|
|    | mặn biển Tây tỉnh Kiên Giang                                                                                                                                                                                         |    |       | ng nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT                                 |  |  |                      |      |
| 41 | Nghiên cứu tác động môi trường nước đến sinh trưởng của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn trên các tiểu vùng sinh thái ven biển Tây Việt Nam                                           | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT                       |  |  | Tập 2, trang 493-499 | 2018 |
| 42 | Nghiên cứu tác động của tính chất đất đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn theo các tiểu vùng sinh thái trên vùng biển Tây ở đồng bằng sông Cửu Long | 02 | Chính | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT                       |  |  | Tập 2, trang 500-507 | 2019 |
| 43 | Thành phần loài thân mềm có kích thước lớn (Lớp Gas tropoda, Bivalvia, Cephalopoda) ở vùng biển Phú Quốc Kiên Giang                                                                                                  | 03 |       | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT                       |  |  | Tập 2, trang 508-516 | 2019 |
| 44 | Nghiên cứu kỹ thuật canh tác phục hồi rừng Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam                                                                                             | 01 | Chính | Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật ISBN |  |  | Tập 2, trang 517-534 | 2019 |
| 45 | Nghiên cứu đánh giá thích nghi cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. và giải pháp phát triển rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam                                                                                   | 01 | Chính | Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật ISBN |  |  | Tập 2, trang 535-552 | 2019 |

- Trong đó, số lượng 08 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:.

Các bài là chủ biên và một mình:

(1), Thai Thanh Luom, 2009. “*Evaluation of the surface water in area of Vietnam*”, Journal of Environmental Impact Asessment, December 2009. Pp 445-452. ISSN 1225 – 7184 in Korea. (đường link): <http://ww.eia.or.kr>



(2), Thai Thanh Luom, 2018. “*Intergrated Multiple Species Aquaculture in the Protected Mangrove Areas in the Mekong Delta, Vietnam: A Case Study in Kien Giang.*” Volume. Issue 2. 1000465. J Coast Zone Manage an open access Journal. ISSN: 2473-3350. (link online): <https://www.longdom.org/open-access/integrated-multiple-species-aquaculture-in-the-protected-mangrove-areas-in-the-mekong-delta-vietnam-a-case-study-in-kien-giang-18012.html>

(3), Thái Thành Lượm, 2019. “*Sea dykes as coastal protection strategy: Effectiveness and constraints in Kien Giang, Vietnam.*” Journal of coastal zone management . February 28 2019. J Coast Zone Manag, an open access Journal. Volume 22. Issue 1. 1000467. ISSN: 2473-3350. (link online) <https://www.longdom.org/open-access/sea-dykes-as-a-coastal-protection-strategy-effectiveness-and-constraints-in-kien-giang-vietnam-18139.html>

(4), Thái Thành Lượm, 2019. “*Aquaculture Operation in Allocated Mangrove Areas in Kien Giang, Vietnam: Local Perceptions and Recommendations*”, June 19, 2019. J Coast Zone Manag, Vol. 22 Is. 2: 470. ISSN: 2473-3350. (link online) <https://www.longdom.org/open-access/aquaculture-operation-in-allocated-mangrove-areas-in-kien-giang-vietnam-local-perceptions-and-recommendations-43962.html>

(5) Thái Thành Lượm (tác giả chính), Bùi Xuân Khanh, 2020. “*Genetic Characteristics and Nine Trial Species Growing Forests in The Coastal Alluvial Soil in the South-West of The Mekong River Delta in Vietnam*”, J Adv Plant Sci. 2: 204. February 2020. ISSN: 2639-1368. (link online) <http://www.scholarena.com/journals/journal-of-advancements-in-plant-science/articles-in-press.php>

(6) Thái Thành Lượm (tác giả chính), Nguyễn Tấn Phong, 2020. “*Curren Management of Allocated Mangroves for Livelihood Improvement in the Mekong Delta, Vietnam: Knowledge Gaps and a Potential Model for Futre Management*”, Journal of Sustainable Forestry, 23 Mar. 2020. ISSN: 1054-9811. (link online) <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/10549811.2020.1743722?scroll=top&needAccess=true>

(7) Thái Thành Lượm (Chủ biên), 2020. “*Effect of flooding on peatland U minh thuong national park Vietnam*”. (link online) <http://ms.academicjournals.org>

#### **Các bài tham gia viết:**

(1) Nguyen Tan Phong, Thai Thanh Luom, Kevin E. Parnell, 2017. “*Existing strageteies for managing mangrove dominated mudđy coat*” Knowlege gaps and recommandations. Journal home page of Ocean and coastal management, 2017, p.93-100. (link online) <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0964569117300546>

(2) Nguyen Tan Phong, Thai Thanh Luom, Kevin E. Parnell, 2017. “*Mangrove allocation for coastal protection and livelihood improvement in Kien Giang province, Vietnam: Constrains and recommendations*”. Land use policy (63) 2017 pp 401-407. 17 January 2017. ISSN: 0264-8377. (link online) <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0264837716310158>

(3) Nguyen Tan Phong, Thai Thanh Luom, Kevin E. Parnell, 2017. “*Developing a framework for interating local and scientific knowlege in internationally funded environment management projects case study from Kien Giang province, Viennam*”. June 2017. The international Journal of Justice and Sustainability. ISSN: 1354-9839. (link online) <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/13549839.2017.1342617>

(4) Nguyen Tan Phong, Thai Thanh Luom, Kevin E. Parnell, 2017. “*Mangrove transplantation in Brebes Regency, Indonesia: Lesons and recommendations*” 18. September 2017 Ocean & Coast Management 149 (2017) 12-21. ISSN: 0964-5691. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0964569117303186>

**7.2. Bằng độc quyền sang chế, giải pháp hữu ích:** Phần này không có

**7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:** Phần này không có

**7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:** Phần này không có

## **8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học**

Biên soạn chương trình cho sinh viên Quốc tế Lào và Kapuchia học tại trường Đại học Kiên Giang:

(1) Chương trình đào tạo đại học: Khoa học cây trong Công nghệ cao, theo quyết định công nhận số 572/QĐ- ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang

(2) Chương trình đào tạo đại học: Công nghệ sinh học thực vật biển theo quyết định công nhận số 573/QĐ-ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang

(3) Chương trình đào tạo đại học: Công nghệ sinh học công nghệ cao, theo quyết định công nhận số 574/QĐ-ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang

(4) Chương trình đào tạo đại học: Nuôi trồng và bảo tồn sinh vật biển, theo quyết định công nhận số 575/QĐ-ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang



(5) Chương trình đào tạo đại học: Khoa học cây trồng, theo quyết định công nhận số 576, Trường Đại học Kiên Giang

(6) Chương trình đào tạo đại học: Công nghệ thực phẩm, theo quyết định công nhận số 578/QĐ-ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang

(7) Chương trình đào tạo đại học: Công nghệ sinh học Y Dược, theo quyết định công nhận số 577/QĐ-ĐHKG, Trường Đại học Kiên Giang

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với qui định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín : Không

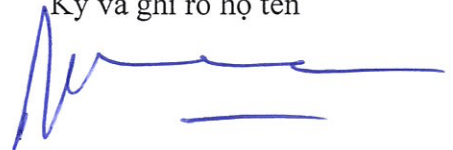
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Kiên Giang, ngày 23 tháng 06 năm 2020*

Người đăng ký

Ký và ghi rõ họ tên



**Thái Thành Lượm**